

## NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG CUỘC SỐNG CỦA SINH VIÊN NĂM NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ TỨ\*, ĐÀO THỊ DUY DUYÊN\*\*

### TÓM TẮT

*Bài báo đề cập những khó khăn trong cuộc sống của sinh viên (SV) năm nhất Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TP HCM). Thực trạng cho thấy SV năm nhất đều gặp một số khó khăn trong học tập, giao tiếp, hoạt động xã hội và sinh hoạt cá nhân. Nguyên nhân của những khó khăn này chủ yếu là do SV thiếu kiến thức, kỹ năng giải quyết vấn đề, đồng thời giảng viên (GV) và nhà trường chưa có nhiều biện pháp hỗ trợ SV một cách hiệu quả.*

**Từ khóa:** khó khăn, khó khăn trong cuộc sống, sinh viên, sinh viên năm nhất.

### ABSTRACT

***The life difficulties of Ho Chi Minh City University of Education first year students***

*The article mentions the life difficulties of Ho Chi Minh City University of Education first year students. The situation shows that most of the first year students have to face some difficulties in study, communication, social activities and personal life. The causes of these difficulties are students' lack of knowledge and problem solving skills as well as effective measures of the lecturers and the University to support the students.*

**Keywords:** difficulty, life difficulty, students, first year student.

### 1. Đặt vấn đề

Khó khăn trong cuộc sống của SV được hiểu là những vấn đề nảy sinh trong quá trình sống và hoạt động của SV. Những vấn đề này gây nhiều bất lợi và cản trở các dạng hoạt động đa dạng của SV, trong đó nổi bật nhất là các dạng hoạt động học tập, giao tiếp, hoạt động xã hội và sinh hoạt cá nhân. Đó là những vấn đề chứa đựng nhiều mâu thuẫn và luôn đòi hỏi SV phải nỗ lực vượt qua để giải quyết chúng một cách hiệu quả nhằm thích nghi với đời sống của SV.

Việc nghiên cứu những khó khăn trong cuộc sống của học sinh và SV đã được các nhà nghiên cứu và cơ quan chức

năng quan tâm từ rất lâu tại các nước có nền giáo dục phát triển như ở Đức (B. Kirsch, C. Wagner, S. Franz,...), ở Liên bang Nga (L.A. Regus, A.L. Likarnikov, O.A. Basinger, D.H. Demidov...). Dựa trên các kết quả nghiên cứu, các tác giả đã làm sáng tỏ thực trạng và nguyên nhân một số khó khăn thường gặp trong đời sống của học sinh, SV như là một hiện tượng tâm lý xã hội, chịu sự tác động của các quy luật phát triển tâm sinh lý lứa tuổi cũng như điều kiện sống và hoạt động của họ. [3]

Ở Việt Nam, vấn đề khó khăn trong đời sống của SV năm nhất chưa được nghiên cứu nhiều. Đa số các công trình nghiên cứu thường tập trung vào việc làm rõ thực trạng một số khó khăn tâm lý trong học tập của SV, ngoài ra cũng có

\* TS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

\*\* ThS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

một vài công trình nghiên cứu về stress của SV và trở ngại tâm lí trong giao tiếp...

Riêng tại Trường ĐHSB TPHCM, đã có vài công trình nghiên cứu về những khó khăn trong học tập của SV, tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu về những khó khăn trong cuộc sống của SV năm nhất. Vì vậy, việc tiếp cận nghiên cứu vấn đề này theo chúng tôi là cần thiết.

## 2. Giải quyết vấn đề

### 2.1. Mẫu khách thể và phương pháp

*Bảng 1. Mẫu khách thể nghiên cứu*

Đặc điểm	Khối ngành				Giới tính		
	Tự nhiên	Xã hội	Ngoại ngữ	Đặc thù	Nam	Nữ	Giới tính thứ 3
Số lượng	99	81	93	127	86	307	7
Tỉ lệ %	24,8	20,3	23,3	31,8	21,5	76,8	1,8
Tổng	400				400		

Các phương pháp được sử dụng nghiên cứu trong đề tài này là phương pháp nghiên cứu lí luận, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn và phương pháp thống kê toán học. Trong đó, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chính.

Nội dung phiếu điều tra bằng bảng hỏi bao gồm các nội dung chính sau:

Để tìm hiểu mức độ biểu hiện các loại khó khăn trong cuộc sống của SV năm nhất, đồng thời làm rõ nguyên nhân thực trạng, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 400 SV đang học năm nhất (năm học 2012-2013) tại Trường ĐHSB TPHCM thuộc 4 khối ngành tự nhiên, xã hội, ngoại ngữ, và khối đặc thù. Khối đặc thù bao gồm SV các khoa: Tâm lí Giáo dục, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Chính trị.

- Phần 1: Các thông tin cá nhân của khách thể khảo sát.

- Phần 2: Khảo sát thực trạng về các vấn đề khó khăn của SV năm nhất trong các dạng hoạt động học tập, giao tiếp, hoạt động xã hội và sinh hoạt. Cách cho điểm từ 1 - 5 điểm tương ứng theo mức độ khó khăn tăng dần từ thấp đến cao.

Cách quy đổi điểm như sau:

Điểm trung bình	Mức độ khó khăn
1,0 - 1,49	Rất thấp
1,5 - 2,49	Thấp
2,5 - 3,49	Trung bình
3,5 - 4,49	Cao
4,5 - 5,0	Rất cao

Phần 3: Cách thức giải quyết những vấn đề khó khăn. Phần này được xử lý thống kê định tính.

Phần 4: Nguyên nhân những khó khăn của SV năm nhất. Cách cho điểm từ 1 - 5 điểm tương ứng theo mức độ ảnh hưởng tăng dần từ thấp lên cao.

Số liệu được xử lý trên phần mềm

thống kê SPSS phiên bản 16.0 để tính điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và phần trăm (%).

**2.2. Thực trạng những khó khăn trong cuộc sống của SV năm nhất**

2.2.1. Kết quả chung nhất về những khó khăn trong cuộc sống của SV năm nhất (xem bảng 2)

**Bảng 2. Kết quả chung nhất về những khó khăn trong cuộc sống của SV năm nhất**

STT	Những khó khăn	ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
1	Trong hoạt động học tập	3,50	0,43	3
2	Trong giao tiếp	3,18	0,54	4
3	Trong hoạt động xã hội	3,58	0,56	1
4	Trong sinh hoạt	3,52	0,65	2

Bảng 2 cho thấy những lĩnh vực mà SV gặp nhiều khó khăn nhất là hoạt động xã hội (ĐTB = 3,58), tiếp theo là khó khăn trong sinh hoạt (ĐTB = 3,52), ở vị trí thứ 3 là khó khăn trong học tập (ĐTB = 3,50). Ba dạng hoạt động này SV đều đánh giá gặp khó khăn ở mức độ cao. Điều này có thể giải thích là do đặc điểm các dạng hoạt động này ở bậc đại học rất khác biệt so với bậc học phổ thông. Bắt đầu từ năm nhất đại học, SV phải tích cực

tham gia các hoạt động xã hội nhiều hơn để khẳng định vai trò, vị trí của mình đối với xã hội. Việc thích ứng với nội dung và phương pháp học mới ở đại học cũng là một thử thách lớn. Hơn nữa, trong sinh hoạt SV phải độc lập, tự chủ về tài chính và nhiều phương diện khác nên cũng dễ nảy sinh những khó khăn nhất là đối với SV ở các tỉnh xa về trọ học tại thành phố.

2.2.2. Những khó khăn trong hoạt động học tập của SV năm nhất (xem bảng 3)

**Bảng 3. Những khó khăn trong hoạt động học tập của SV năm nhất**

Nhóm vấn đề	Những khó khăn trong hoạt động học tập	ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
1. Thời gian học	Thời gian học bắt đầu sớm	3,80	1,14	10
	Thời khóa biểu và xếp giờ học chưa hợp lí	3,32	1,16	26
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,56</b>	<b>0,87</b>	
2. Cơ sở vật chất	Cơ sở vật chất nhà trường chưa đảm bảo	3,31	1,08	27
	Phòng học chật chội, nóng bức	3,51	1,10	23
	Phòng học chưa hợp lí, phải di chuyển nhiều	3,62	1,22	17
	Trang thiết bị hay hư hỏng (máy chiếu, micro...)	3,25	1,08	30
	Thiếu không gian học tập	3,28	1,16	28
	Thiếu chỗ nghỉ trưa cho SV	4,00	1,07	4

	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,50</b>	<b>0,72</b>	
3. Phương tiện học tập	Thiếu phương tiện học tập (máy tính, internet...)	3,74	1,07	11
	Tài liệu học tập không đủ	3,09	1,11	39
	Việc tìm tài liệu khó khăn	3,46	1,07	25
	Nhiều giáo trình đọc khó hiểu	3,85	0,96	7
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,54</b>	<b>0,75</b>	
4. Đăng ký học tín chỉ	Việc đăng ký học các tín chỉ quá rắc rối, phức tạp	3,54	1,21	22
	Chưa biết chọn đăng ký môn học nào cho hợp lí	3,58	1,07	20
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,56</b>	<b>0,94</b>	
5. Nội dung học tập	Nội dung học đa dạng nên chưa kịp thích ứng	3,65	1,04	16
	Nhiều bài học khó	3,83	0,91	8
	Bài tập nhiều	3,17	1,03	35
	Lượng kiến thức nhiều không nắm bắt kịp	3,67	1,00	13
	Kiến thức phải suy luận nhiều, chưa thích ứng	3,61	0,95	19
	Nhiều môn phần lí thuyết nhiều, thiếu thực tiễn	4,08	0,88	2
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,67</b>	<b>0,67</b>	
6. Phương pháp học	Phương pháp học mới nên chưa thích ứng kịp	4,54	0,98	1
	Kĩ năng học tập còn thiếu và yếu	3,62	1,00	17
	Khả năng tự học ở nhà còn kém	3,55	1,10	21
	Việc học nhóm gặp nhiều khó khăn	4,06	2,20	3
	Việc thuyết trình chưa hiệu quả	3,82	0,86	9
	Chưa biết cách tự nghiên cứu giáo trình	3,92	0,86	5
	Chưa biết cách lập kế hoạch học tập	3,66	0,92	15
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>4,02</b>	<b>0,68</b>	
7. Phương pháp giảng dạy của thầy cô	Phương pháp dạy của thầy cô chưa kịp thích nghi	3,48	0,95	24
	Một số GV dạy quá nhanh	3,67	1,02	13
	Một số GV dạy không trọng tâm	3,24	1,02	31
	Một số GV nói không nghe rõ	3,08	1,17	40
	Một số GV nghi nhưng không báo trước	3,10	1,22	37
	Một số GV dạy không hấp dẫn	3,68	0,99	12
<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,40</b>	<b>0,65</b>		
8. Thi cử	Lịch thi không ổn định, cập nhật không kịp	3,12	1,14	36
	Hình thức và nội dung thi quá nặng	3,28	1,00	28
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,20</b>	<b>0,89</b>	
9. Ý thức học tập	Ý thức học tập còn kém	3,00	1,05	41
	Lười học	3,10	2,35	37
	Thiếu tập trung khi học	3,20	1,05	34
	Không hứng thú khi học	3,24	1,02	31
	Không biết sắp xếp thời gian học	3,22	1,06	33
	Không biết phản ánh những khó khăn trong học tập với bộ phận nào trong trường	3,86	1,01	6
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,27</b>	<b>0,83</b>	

Trong 9 nhóm vấn đề khó khăn trong học tập, có 6 nhóm vấn đề SV năm nhất đánh giá là *gặp khó khăn ở mức độ cao*: Đầu tiên là nhóm vấn đề *phương pháp học tập* (ĐTB tổng = 4,02, xếp hạng 1), tiếp theo là những vấn đề liên quan đến *thời gian học, cơ sở vật chất của nhà trường, phương tiện học tập, việc đăng kí học tín chỉ, nội dung học tập* (ĐTB tổng > 3,5). Ba nhóm vấn đề khó khăn còn lại về phương pháp giảng dạy của thầy cô, thi cử, ý thức học tập được SV đánh giá ở mức độ khó khăn trung bình.

Kết quả khảo sát chi tiết 41 vấn đề khó khăn trong học tập cho thấy, vấn đề mà SV năm nhất *gặp khó khăn ở mức độ rất cao là phương pháp học mới nên chưa*

*thích ứng kịp* (ĐTB = 4,54, thứ hạng 1), tiếp theo có 22 vấn đề SV đánh giá *gặp khó khăn ở mức độ cao* (ĐTB từ 3,51 đến 4,08), 18 vấn đề còn lại SV gặp khó khăn ở mức độ trung bình (ĐTB từ 3,0 đến 3,48).

Sở dĩ có kết quả như vậy là vì việc dạy và học ở bậc phổ thông khác rất nhiều so với bậc đại học. Ở đại học, nội dung học tập mang tính chuyên ngành, đa dạng và phức tạp. Phương pháp học tập đòi hỏi SV phải tích cực, chủ động và sáng tạo. Việc học của SV là loại hoạt động trí tuệ đích thực, căng thẳng, cường độ cao và có tính lựa chọn rõ rệt nên nhiều SV năm nhất chưa kịp thích ứng.

2.2.3. Những khó khăn trong giao tiếp của SV năm nhất B (xem bảng 4)

**Bảng 4.** Những khó khăn trong giao tiếp của SV năm nhất

Nhóm vấn đề	Những khó khăn trong giao tiếp	ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
1. Với bạn bè	Bạn bè ít gần gũi, thân thiện	2,74	1,17	32
	Không nhớ tên, nhớ mặt hết các bạn trong lớp	2,44	1,17	35
	Bạn bè chưa hòa hợp dễ nảy sinh mâu thuẫn	2,78	1,13	27
	Bạn bè đối chọi và không nghe ý kiến của nhau	2,96	1,12	23
	Ít bạn, chưa có bạn thân	2,83	1,19	26
	Ít quan tâm và tôn trọng sở thích của nhau	2,76	1,07	29
	Chưa có nhóm bạn hợp nhau để cùng học, chơi	2,66	1,15	34
	Nhiều bạn ít nói chuyện, khó hòa đồng	3,22	1,07	18
	Nhiều bạn rụt rè ngại giao tiếp với bạn mới	3,34	1,08	14
	Khác biệt ngôn ngữ khiến nghe không hiểu	2,76	1,17	29
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>2,85</b>	<b>0,71</b>	
2. Với bạn khác giới	Chưa xây dựng được quan hệ thân thiết	3,28	2,36	17
	Khó xác lập được mối quan hệ vô tư	3,02	1,19	21
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,15</b>	<b>1,50</b>	
3. Với thầy cô	Còn nhiều e ngại, có khoảng cách	3,76	0,95	5
	Khó nói chuyện, ngại tiếp cận, ngại nêu ý kiến	3,70	1,01	6
	Nhiều thầy cô không thân thiện với SV	2,99	1,09	22

	Nhiều thầy cô không tích cực trả lời các câu hỏi	2,75	1,07	31
	Ít thời gian để trò chuyện cùng thầy cô	3,84	0,93	2
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,41</b>	<b>0,69</b>	
4. Với cán bộ phòng ban	Giao tiếp còn nhiều trở ngại	3,92	0,99	1
	Cán bộ hướng dẫn cho SV chưa nhiệt tình	3,50	1,11	9
	Khó liên hệ với cán bộ phòng ban	3,60	1,03	8
	Gặp vấn đề không hiểu, không biết hỏi ai	3,84	1,01	2
	E ngại khi tiếp xúc với cán bộ phòng ban	3,80	1,03	4
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,73</b>	<b>0,80</b>	
5. Với cha mẹ	Cha mẹ không hiểu khó khăn của em ở trường	2,94	1,23	24
	Cha mẹ chỉ muốn thấy em nhận điểm số cao	2,94	1,34	24
	Cha mẹ có quan điểm khác em về nhiều vấn đề	2,78	1,31	27
	Cha mẹ khó khăn trong việc đóng học phí	2,70	1,25	33
	Ít dám tâm sự về những khó khăn với cha mẹ	3,35	1,26	13
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>2,94</b>	<b>0,88</b>	
6. Với bản thân	Bản thân có gặp khó khăn trong giao tiếp	3,36	1,12	11
	Tâm lí thiếu tự tin, e ngại trong giao tiếp	3,34	1,17	14
	Thiếu kiến thức và kĩ năng trong giao tiếp	3,36	1,13	11
	Thiếu kĩ năng hòa nhập với mọi người	3,17	1,17	19
	Chưa làm chủ được cảm xúc nhất là khi giận dữ	3,32	2,30	16
	Nhiều lúc cảm thấy buồn và cô đơn	3,62	1,10	7
	Nhiều lúc cảm thấy bỡ ngỡ, xa lạ	3,41	1,14	10
	Khó làm quen	3,08	1,26	20
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,33</b>	<b>0,89</b>	

Trong 6 nhóm vấn đề khó khăn liên quan đến hoạt động giao tiếp, SV năm nhất đánh giá gặp khó khăn ở mức độ cao là nhóm vấn đề giao tiếp với cán bộ phòng ban (ĐTB tổng = 3,73, thứ hạng 1). Năm nhóm vấn đề còn lại SV năm nhất đánh giá gặp khó khăn ở mức trung bình (ĐTB tổng < 3,5). Việc SV gặp khó khăn nhiều khi giao tiếp với cán bộ phòng ban là vấn đề mà các cán bộ giáo dục đại học nên quan tâm.

Tìm hiểu 35 vấn đề cụ thể của 6 nhóm vấn đề khó khăn liên quan đến giao tiếp, SV năm nhất đánh giá gặp khó khăn ở mức độ cao là giao tiếp với cán bộ

phòng ban còn nhiều trở ngại (ĐTB = 3,92, thứ hạng 1), tiếp theo là khó liên hệ với cán bộ phòng ban (ĐTB = 3,84, thứ hạng 2), e ngại khi tiếp xúc với cán bộ phòng ban (ĐTB=3,80, thứ hạng 4), ít có thời gian để trò chuyện cùng thầy cô (ĐTB = 3,84, thứ hạng 2), giao tiếp với thầy cô còn nhiều e ngại và có khoảng cách (ĐTB = 3,76), khó nói chuyện, ngại tiếp cận, ngại nêu ý kiến với thầy cô (ĐTB = 3,70). Qua kết quả trên, chúng ta thấy rằng đa số các khó khăn mà SV năm nhất gặp phải trong giao tiếp liên quan đến cán bộ phòng ban và thầy cô, vì vậy khi giao tiếp với SV, nên tránh các cán bộ phòng

ban và thầy cô cần lưu ý điều chỉnh cách giao tiếp của mình sao cho phù hợp hơn để giúp SV nhanh chóng thích nghi.

Ngoài ra, vấn đề mà SV năm nhất cũng gặp khó khăn ở mức độ cao trong quan hệ với bản thân là *nhiều lúc cảm thấy buồn và cô đơn (ĐTB = 3,62)*. Bởi lẽ đa số SV năm nhất sống tự lập và đi học xa gia đình nên không còn được cha mẹ, người thân quan tâm, chăm sóc và chia sẻ nhiều như trước nữa, vì vậy SV thường cảm thấy buồn, cô đơn, nhớ nhà và tủi

thân khi gặp chuyện gì đó mà chỉ có một mình, từ đó cũng làm ảnh hưởng đến khả năng giao tiếp của SV.

Chỉ có 1 vấn đề được SV đánh giá ở mức độ ít khó khăn là lớp đồng, không nhớ tên, nhớ mặt hết các bạn (ĐTB= 2,44, xếp hạng thấp nhất). Như vậy, khi học theo hệ thống tín chỉ thì việc không nhớ tên, nhớ mặt hết các bạn trong lớp không phải là vấn đề đối với SV năm nhất.

2.2.4. Những khó khăn trong hoạt động xã hội của SV năm nhất (xem bảng 5)

**Bảng 5. Những khó khăn trong hoạt động xã hội của SV năm nhất**

Nhóm vấn đề	Những khó khăn trong hoạt động xã hội	ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
1. Thời gian	Thiếu thời gian để tham gia	3,89	0,90	2
2. Phương tiện	Thiếu phương tiện để hoạt động như: xe cộ đi lại, tiền bạc chi tiêu, điện thoại liên lạc...	3,90	1,11	1
	Thiếu điều kiện để được tham gia như không có năng khiếu, khả năng	3,66	2,23	7
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,78</b>	<b>1,35</b>	
3. Thông tin	Thông tin thiếu, chưa đầy đủ, chính xác	3,68	0,95	6
	Không biết rõ địa điểm diễn ra các hoạt động	3,46	1,07	13
	Không biết rõ ý nghĩa của các hoạt động	3,54	1,07	10
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,56</b>	<b>0,87</b>	
4. Hoạt động xã hội của Đoàn Trường	Nhiều hoạt động chưa thu hút SV	3,58	1,04	9
	Nhiều hoạt động thiếu sáng tạo	3,70	2,82	5
	Nhiều phong trào được tổ chức chưa phù hợp về thời gian	3,82	0,99	3
	Nhiều hoạt động còn mang nặng tính hình thức, chưa hiệu quả, chưa mang lại ý nghĩa nhiều	3,71	1,04	4
	Thiếu các câu lạc bộ để tập hợp và hoạt động	3,59	1,10	8
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,68</b>	<b>0,98</b>	
5. Đội ngũ cán bộ lớp	Đội ngũ cán bộ lớp chưa biết cách tổ chức các hoạt động xã hội một cách hiệu quả	3,54	1,12	10
	Cán bộ lớp còn chơi theo nhóm và chỉ tập trung vào vận động các bạn trong nhóm tham gia	3,50	1,21	12
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,52</b>	<b>1,03</b>	

6. Bản thân	Bản thân ít tích cực tham gia các phong trào	3,02	1,13	16
	Không tự tin khi tham gia	3,12	1,15	15
	Thiếu kĩ năng hoạt động xã hội	3,20	1,15	14
	Không muốn tham gia	2,47	1,18	17
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>2,95</b>	<b>0,88</b>	

Bảng 5 cho thấy, trong 6 nhóm vấn đề khó khăn liên quan hoạt động xã hội, có tới 5 nhóm vấn đề SV năm nhất đánh giá *gặp khó khăn ở mức độ cao*. Đầu tiên là về *mặt thời gian* (ĐTB tổng = 3,89, thứ hạng 1), tiếp theo là *phương tiện, điều kiện hoạt động, hoạt động xã hội của Đoàn Trường, thông tin, đội ngũ cán bộ lớp* (ĐTB tổng từ 3,52 đến 3,78). Có duy nhất vấn đề mà SV đánh giá có khó khăn ở mức độ trung bình là *khó khăn từ bản thân SV* (ĐTB tổng = 2,95, xếp hạng thấp nhất).

Kết quả khảo sát 17 vấn đề khó khăn cụ thể liên quan hoạt động xã hội, có 12 vấn đề SV đánh giá *khó khăn ở mức độ cao* (ĐTB > 3,50, xếp hạng từ 1 đến 12). Qua đó chúng ta thấy, các khó khăn cụ thể ở mức độ cao trong việc tham gia các hoạt động xã hội chủ yếu tập trung vào các vấn đề thiếu thời gian, phương tiện, điều kiện để tham gia, thiếu thông tin. Và

một vấn đề cần được quan tâm là việc tổ chức hoạt động của Đoàn Trường chưa thu hút SV tích cực tham gia. Hơn nữa, ban cán sự lớp cũng triển khai các hoạt động chưa hiệu quả khiến SV gặp nhiều khó khăn khi tham gia. Còn lại 4 vấn đề xếp hạng từ 13 đến 16, SV đánh giá ở mức độ khó khăn trung bình (ĐTB từ 3,02 đến 3,46). Chỉ có 1 vấn đề SV đánh giá ở mức độ ít khó khăn là bản thân không muốn tham gia (ĐTB = 2,47, xếp hạng thấp nhất).

Như vậy, đa số các khó khăn trong hoạt động xã hội mà SV năm nhất gặp phải là do các yếu tố bên ngoài tác động nhiều hơn là do các yếu tố từ chính bản thân SV. Kết quả này cũng đáng quan tâm đối với những người làm công tác Đoàn, Hội.

2.2.5. Những khó khăn trong sinh hoạt của SV năm nhất (xem bảng 6)

**Bảng 6. Những khó khăn trong sinh hoạt của SV năm nhất**

Nhóm vấn đề	Những khó khăn trong sinh hoạt	ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
1. Điều kiện sinh hoạt	Điều kiện sinh hoạt thiếu thốn nhiều mặt	3,28	1,19	15
	Thiếu trang thiết bị phục vụ sinh hoạt (quần áo, đồ gia dụng...)	2,97	1,16	20
	Thiếu thốn tiền bạc, kinh tế tài chính eo hẹp	3,50	1,17	11
	Chi phí đắt đỏ nên thường thắt chặt chi tiêu	3,69	1,10	3
	Việc quản lí chi tiêu chưa hợp lí	3,28	1,14	15
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,34</b>	<b>0,88</b>	
2. Phương tiện	Thiếu phương tiện đi lại	3,52	1,19	9
	Đi xe buýt mất thời gian, hay trễ học	3,81	1,22	2
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,67</b>	<b>1,08</b>	



3. Chỗ ở	Tìm chỗ ở khó khăn	3,36	1,28	13
	Chỗ ở xa trường, đi lại khó khăn	3,85	1,15	1
	Phòng trọ chật hẹp, thiếu thốn	3,27	1,28	17
	Kí túc xá không đủ chỗ	3,27	1,21	17
	Mâu thuẫn khi sống tập thể nảy sinh	3,29	1,16	14
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,41</b>	<b>0,93</b>	
4. Thời gian biểu học tập và sinh hoạt	Khó khăn trong việc sắp xếp thời gian biểu học tập và sinh hoạt	3,62	0,94	4
	Ít thời gian rảnh rỗi, những công việc ở trường và trong gia đình chiếm hết thời gian	3,54	1,10	7
	Không có những người bạn thân để cùng tiêu khiển	3,10	1,14	19
	Sử dụng thời gian rảnh chưa hợp lí, hiệu quả	3,57	1,04	5
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,46</b>	<b>0,71</b>	
5. Sân chơi	Thiếu các sân chơi lành mạnh	3,54	1,05	7
	Không có nhiều chương trình, hoạt động giải trí cho SV	3,51	1,09	10
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,52</b>	<b>0,97</b>	
6. Môi trường xã hội	Môi trường xã hội phức tạp, lối sống thành thị khó thích nghi	3,55	1,18	6
	Nhiều lúc cảm thấy xa lạ, bỡ ngỡ với môi trường xung quanh	3,49	1,14	12
	<b>ĐTB tổng</b>	<b>3,52</b>	<b>1,06</b>	

Trong 6 nhóm vấn đề khó khăn liên quan đến sinh hoạt, có 3 nhóm vấn đề SV đánh giá là gặp khó khăn ở mức độ cao, đó là các khó khăn về phương tiện sinh hoạt (ĐTB tổng = 3,67, thứ hạng 1), sân chơi và môi trường xã hội (ĐTB tổng = 3,52). Các nhóm vấn đề còn lại SV đánh giá ở mức độ khó khăn trung bình như khó khăn về thời gian biểu học tập và sinh hoạt, chỗ ở và điều kiện sinh hoạt.

Trong 20 vấn đề khó khăn cụ thể liên quan đến sinh hoạt, có 11 vấn đề SV đánh giá khó khăn ở mức độ cao (ĐTB từ 3,50 đến 3,85). Còn lại 9 vấn đề SV đánh giá khó khăn ở mức độ trung bình, trong đó việc thiếu trang thiết bị phục vụ sinh hoạt có thứ hạng thấp nhất (ĐTB = 2,97),

chúng tỏ đây không phải là vấn đề gây trở ngại nhiều cho SV và họ chấp nhận điều đó.

#### 2.2.6. Cách thức giải quyết những khó khăn của SV năm nhất

Kết quả khảo sát cho thấy, khi gặp khó khăn, hầu hết SV tìm cách tự mình giải quyết vấn đề (97,5%), sau đó mới tìm kiếm sự giúp đỡ từ những nguồn lực khác (96,5%), nhưng SV vẫn còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết (84%).

Khi SV chọn cách thức tự mình giải quyết vấn đề thì có 67,2% SV sẽ tự giải quyết bằng kiến thức và kỹ năng sẵn có, 55,2% SV sẽ tham khảo thêm sách báo, internet, 32,2% sẽ xem, nghe các chương trình tư vấn qua truyền thông rồi sau đó tự

mình giải quyết.

Khi SV tìm kiếm sự giúp đỡ để giải quyết khó khăn thì đối tượng được SV tìm kiếm sự giúp đỡ nhiều nhất là bạn bè (82,5%), kế tiếp là cha mẹ và người thân (69,2%), ở vị trí thứ ba là các anh, chị khóa trước (35,2%), thứ tư mới đến thầy cô (28%), giáo viên chủ nhiệm và chuyên gia tâm lí là các đối tượng ít được SV tìm kiếm sự giúp đỡ (14% và 8,5%).

Cuối cùng, đối với những vấn đề chưa được giải quyết thì có hơn nửa số SV chọn cách im lặng, tập chịu đựng (52,2%), có 23,2% SV không thể giải quyết được những vấn đề khó khăn của mình, 17,5% SV chọn cách khóc. Còn lại 16,8% SV mặc kệ, buông xuôi cho số phận.

#### 2.2.7. Nguyên nhân những khó khăn trong cuộc sống của SV năm nhất

Trong các nguyên nhân gây khó khăn, SV năm nhất đánh giá các nguyên nhân khách quan (ĐTB = 3,25) có mức độ ảnh hưởng nhiều hơn so với các nguyên nhân chủ quan (ĐTB = 3,10).

Ở nhóm các nguyên nhân khách quan, bao gồm các nguyên nhân từ phía gia đình, nhà trường và xã hội, thì SV đánh giá nguyên nhân *giáo viên và nhà trường chưa có nhiều biện pháp hỗ trợ ảnh hưởng ở mức độ cao* (ĐTB = 3,56, xếp hạng 1), tiếp theo là 5 nguyên nhân ảnh hưởng ở mức độ trung bình, bao gồm: nội dung và phương pháp học tập mới mẻ (ĐTB = 3,48); cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu người học (ĐTB = 3,43); thay đổi môi trường sống nên chưa kịp thích nghi (ĐTB = 3,39); cơ chế quản lí của nhà trường còn nhiều bất cập (ĐTB

= 3,36); gia đình còn nhiều khó khăn về kinh tế, tài chính (ĐTB = 3,36); thiếu bạn bè, hàng xóm giúp đỡ (ĐTB = 2,97). Hai nguyên nhân thiếu tình cảm gia đình (ĐTB = 2,40) và gia đình ít quan tâm giúp đỡ (ĐTB = 2,32) được SV đánh giá ở mức độ ít ảnh hưởng. Điều này cho thấy SV đã bắt đầu tách rời khỏi sự lệ thuộc vào cha mẹ và bắt đầu thích nghi với cuộc sống tự lập.

Ở nhóm các nguyên nhân chủ quan, SV đánh giá sự ảnh hưởng ở mức độ trung bình. Đầu tiên là thiếu kiến thức và kĩ năng giải quyết các vấn đề (ĐTB = 3,45), tiếp theo là không biết giải quyết vấn đề như thế nào (ĐTB = 3,42), chưa đủ nghị lực, ý chí để giải quyết vấn đề (ĐTB = 3,20), sức khỏe không tốt (ĐTB = 3,03). Hai yếu tố không có hứng thú với việc học (ĐTB = 2,76) và làm biếng, không muốn giải quyết các vấn đề (ĐTB = 2,73) được SV đánh giá ở mức độ ít ảnh hưởng. Như vậy, về nguyên nhân chủ quan, chủ yếu là do SV thiếu kiến thức và kĩ năng cần thiết để ứng phó và giải quyết vấn đề khó khăn một cách hiệu quả.

### 3. Kết luận

Kết quả khảo sát thực trạng những khó khăn trong cuộc sống của SV năm nhất cho thấy trong học tập, hoạt động xã hội và sinh hoạt cá nhân SV gặp khó khăn ở mức độ cao, trong giao tiếp ở mức độ trung bình. Khi gặp khó khăn, đa số SV đều tự mình giải quyết vấn đề hoặc tìm kiếm sự hỗ trợ từ những nguồn lực khác mà nhiều nhất là từ phía bạn bè. Tuy vậy, vẫn còn nhiều khó khăn SV chưa giải quyết được.

Trong số các nguyên nhân gây ra khó khăn cho SV năm nhất ở mức độ cao thì chủ yếu là các nguyên nhân từ phía nhà trường. Đây là kết quả đáng lưu ý để nhà trường có những sự thay đổi, điều chỉnh, hỗ trợ kịp thời nhằm giúp SV giảm thiểu khó khăn. Về phía chủ quan, nguyên

nhân của các khó khăn này chủ yếu là do SV thiếu kiến thức, kỹ năng giải quyết vấn đề; từ đó cho thấy, việc trang bị kỹ năng giải quyết vấn đề cho SV năm nhất là một việc làm rất cần thiết, để có thể giúp SV năm nhất dễ dàng vượt qua những khó khăn này.

---

**Ghi chú:** Bài báo được trích từ kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường năm 2012: “Khảo sát những khó khăn trong cuộc sống của sinh viên năm nhất Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh”, mã số: CS.2012.19.50.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thị Nho (1999), *Tâm lý học phát triển*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Grace J. Craig, Don Baucum (2002), *Human Development*, Prentice – Hall, Inc., Ninth Edition.
3. Herzen State Pedagogical University of Russia (2000), *Những vấn đề khó khăn trong cuộc sống và cách thức giải quyết các vấn đề đó của thanh thiếu niên 12-18 tuổi*, (công trình tập thể), Nxb Herzen University, tài liệu tiếng Nga.

**Người phản biện khoa học: PGS. TS. Huỳnh Văn Sơn**

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 14-7-2013; ngày phản biện đánh giá: 22-7-2013;

ngày chấp nhận đăng: 18-9-2013)